

HIỆN TRẠNG CANH TÁC VÀ SỬ DỤNG THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT TRÊN BƯỞI Ở VÙNG TÂN TRIỀU VĨNH CỬU ĐỒNG NAI

SURVEY OF CULTURE TECHNIQUE, PESTICIDE USES ON SHADDOCK (Citrus maxima) CULTIVATION AT TAN TRIEU WARD, VINH CUU DISTRICT, DONG NAI PROVINCE.

Nguyễn Thị Lan Phương

Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao KH-CN, ĐHNL

ĐT: 08.8966056, fax: 08.8963713, Email: lanphuong@hcmuaf.edu.vn

ABSTRACT

The majority of the shaddock gardens at Tan Trieu were grown with density 5 m x 5 m favourable conditions, such as weeding, watering, applying additional fertilizer, and trimming branches. The major pest of shaddock: *Phyllocnistis citrella*, *Panonychus citri* and *Phytophthora spp.* The average yield was about 100 shaddock over tree.

MỞ ĐẦU

Cây bưởi (*Citrus maxima* (Merr., Burm. F.) hay *Citrus grandis* (L.)), là một loại cây ăn quả thuộc chi cam chanh. Trái chủ yếu dùng ăn tươi, múi bưởi có nhiều nước và bổ dưỡng, bưởi còn được dùng làm nguyên liệu để chế biến nước ép bưởi giải khát rất được ưa chuộng. Múi bưởi còn được dùng làm rượu, làm gỏi, làm nem, phần vỏ xốp trắng dùng làm nguyên liệu nấu chè bưởi có vị rất đặc biệt. Ngoài ra bưởi còn có đặc tính dược liệu như làm giảm cholesterol, ngăn ngừa cao huyết áp, giảm tai biến tim mạch, làm lành vết loét dạ dày, phòng chống ung thư...

Làng Tân Triều có đất phù sa ven sông màu mỡ, rất thích hợp cho cây bưởi phát triển. Người dân nơi đây trồng bưởi đã từ rất lâu, bưởi hiện tại chủ yếu cung cấp cho thị trường trong nước. Năm 2006 thương hiệu bưởi Biên Hòa - đặc sản Tân Triều đã được Cục sở hữu trí tuệ Việt Nam công nhận, và chính thức tiếp cận thị trường và hướng tới xuất khẩu. Tuy nhiên, việc canh tác bưởi của phần lớn người dân trong vùng còn manh mún, sản phẩm để xuất khẩu còn rất hạn chế về chất lượng, số lượng.

Để nâng cao hiệu quả sản xuất của cây bưởi, đồng thời bảo vệ thương hiệu bưởi Tân Triều cần phải nâng cao chất lượng sản phẩm bưởi kể từ khâu chọn giống, áp dụng kỹ thuật tiến tiến trong khâu chăm sóc, bón phân, vấn đề sâu bệnh và công tác bảo vệ thực vật, kỹ thuật thiết kế vườn. Bên cạnh đó để có nguồn sản phẩm ngày càng đáp ứng nhu cầu thị trường. Cần phải phát triển diện tích phù hợp kết hợp với xây dựng vùng du lịch sinh thái đang có xu hướng phát triển tại Huyện Vĩnh Cửu.

Vì vậy, công tác đánh giá thực trạng sản xuất bưởi trên địa bàn Huyện Vĩnh Cửu trở nên cần thiết nhằm có biện pháp đầu tư cải tạo, trồng mới kịp thời, xây dựng cho vùng chuyên canh đáp ứng phục vụ tốt thị trường trong nước và xuất khẩu.

VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP

Tiến hành điều tra hiện trạng canh tác theo phương pháp dùng phiếu điều tra và phỏng vấn trực tiếp nông dân. Số phiếu điều tra là 100 phiếu tương đương với 100 hộ canh tác bưởi.

Địa điểm ở ba xã Tân Bình, Bình Hòa, Bình Lợi huyện Vĩnh Cửu tỉnh Đồng Nai.

KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Diện tích trồng bưởi năm 2007 của huyện Vĩnh Cửu có khoảng 690 ha, tập trung chủ yếu ở xã Tân Bình, còn lại được trồng ở các xã ven sông Đồng Nai (Bình Lợi, Tân An, Bình Hòa, Thiện Tân...). Hiện nay, trong vùng có một số diện tích vườn tạp, đang canh tác những cây trồng khác nhưng kém hiệu quả, có thể phát triển thành những vùng trồng bưởi chuyên canh. Theo qui hoạch phát triển vùng bưởi Vĩnh Cửu đến năm 2010 là 1.000 ha tập trung tại 6 xã: Tân Bình 450 ha, Bình Lợi 200 ha, Bình Hòa 150 ha, Thiện Tân 100 ha, Tân An 70 và Trị An 30 ha.

Bưởi Tân Triều phong phú nhiều chủng loại, tất cả đều có hương vị đặc trưng riêng, bưởi đường nôm có hình dáng đẹp, trái to vỏ dày thường có nôm cao, trung bình 1,5 - 2,0kg/trái, có múi vàng, tép to, nhiều nước, vị ngọt lịm nên thường được chọn để chưng trong ngày tết. Bưởi đường lá cam, lá nhỏ như lá cam, trái có dạng trái lê, vỏ mỏng, trọng lượng trung bình 1,2 - 1,6 kg/trái, vị ngọt, nhiều nước. Bưởi thanh quả to; bưởi ổi quả nhỏ, vỏ mỏng, múi ngọt vừa, ráo, ít nước, có ưu điểm để dành lâu càng ngon (1 - 2 tháng). Ngoài ra, còn có hơn hai mươi loại khác nhau như bưởi chua, bưởi bà Vân, bưởi hè, bưởi long, bưởi xiêm...nhưng diện tích trồng rất ít. Giống được trồng phổ biến nhất hiện nay tại Tân triều là bưởi đường lá cam, bưởi nôm, bưởi da xanh.

Kể từ năm 2003 đến nay, huyện Vĩnh Cửu đã phối hợp với Sở NN và PTNT, Trung tâm Khuyến nông và Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai, cung cấp giống bưởi ghép, sạch bệnh thuộc các giống bưởi đặc sản Tân Triều là bưởi thanh, bưởi đường lá cam, bưởi ổi (trên 5.000 gốc) để trồng mới. Chất lượng giống bưởi trên địa bàn huyện đang dần được nâng cao.

Tuy nhiên, với tốc độ phát triển kinh tế vườn, nhiều hộ nông dân trong vùng do thiếu vốn đầu tư và thiếu nắm bắt thông tin về tầm quan trọng của giống nên vẫn còn sử dụng giống trôi nổi không rõ nguồn gốc, hoặc tự nhân giống mà không nắm vững kỹ thuật. Việc đầu tư cho cây bưởi lại lâu dài cho nên đã và sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả sản xuất của gia đình họ.

Trung tâm Khuyến nông Đồng Nai và Trạm khuyến nông huyện Vĩnh Cửu hàng năm đều có mở các lớp tập huấn hướng dẫn người dân trồng và chăm sóc bưởi theo đúng kỹ thuật, xây dựng các mô hình điểm về trồng xen, cải tạo vườn cũ... để bưởi cho năng suất cao, chất lượng tốt.

Hiện tại các vườn bưởi trong vùng có diện tích từ vài trăm m² cho đến vài ha. Những vườn có diện tích dưới 2.000 m² chiếm khoảng 40%, vườn có diện tích từ 2.000 - 5.000 m² chiếm 35%, còn vườn có diện tích trên 5.000 m² chiếm 25%. Cây bưởi trong vùng được trồng từ rất lâu, và trải qua nhiều thế hệ thay thế, phát triển, trồng mới, thời gian khai thác của bưởi cũng khá dài, nên tuổi cây rất đa dạng, từ mới trồng cho đến cây có vài chục tuổi, cành lá xum xuê, có thể cho trái đến 400 trái/cây. Những vườn có những cây bưởi quá tuổi kinh doanh này thường rất ít, do người dân trồng để ăn chơi, hay làm mốc thời gian đánh dấu sự kiện nào đó. Thời kỳ kinh doanh có hiệu quả là từ năm thứ 6 đến năm thứ 25 thậm chí có những cây bưởi 55 năm tuổi cho đến 300 trái (như ở hộ Ông Trịnh Văn Chín ấp Tân Triều xã Tân Bình huyện Vĩnh Cửu), khi cây cho năng suất thấp, trái nhỏ thì người dân cho thay thế trồng mới lại. Trong các hộ được điều tra, có nhiều hộ có nhiều mảnh vườn trồng bưởi với nhiều giai đoạn phát triển khác nhau. Số vườn bưởi có tuổi cây 1- 2 năm chiếm 11,2%; từ 3-5 tuổi chiếm 15,3%; trên 5 tuổi chiếm 73,5%, trong đó có một số ít vườn tuổi cây trên 30 năm, năng suất giảm, cho trái nhỏ mà chưa được thay thế (Bảng 1).

Phần lớn vườn bưởi ở Tân Triều được trồng với mật độ là 5m x 5 m (chiếm 48,2% số vườn), khoảng cách này chỉ phù hợp với giống bưởi ổi, còn những giống bưởi khác là dày, vì năm thứ 4 - 5 sau trồng là cây giao tán. Với khoảng cách này đến năm thứ 6-7 phải đốn, tỉa bớt. Một số vườn bưởi khác được trồng dày hơn, cây cách cây 4 - 5m thậm chí có vườn chỉ trồng cây cách cây là 3,5m. Trên thực tế những vườn

có nguồn dinh dưỡng kém, có thể trồng dày hơn nhưng với điều kiện bón phân tốt thì cũng không nên trồng dày như vậy, trước mắt là tốn kém về giống và vật tư ban đầu. Những vườn này chiếm 21,3 % số vườn, thường tập trung ở những hộ ít đất, những hộ trồng bưởi ít tham gia tập huấn. Một số vườn (khoảng 16,7% số vườn) trồng thưa hơn với khoảng cách cây 6 m, những vườn này thường là trồng mới có hướng dẫn xen canh (xen ổi, xen chuối, cây ngắn ngày). Trồng bưởi với khoảng cách cây cách cây 6 - 7 m là phù hợp, vì với khoảng cách này ở thời kỳ kinh doanh cây sẽ không bị giao tán.

Việc trồng bưởi ở Tân Triều phần lớn đem lại kinh tế cho người dân, nên việc chăm sóc cây bưởi được quan tâm nhiều, phần lớn các vườn đều được tỉa cành (chiếm 69% số vườn điều tra, một số vườn đang giai đoạn kiến thiết cơ bản nên chưa thực hiện chế độ tỉa cành). Tuy nhiên, có khoảng 30% số hộ được phỏng vấn cho rằng chỉ tỉa cành theo kinh nghiệm, và thường hay “tiếc, xót” nên để số cành khai thác trên cây vẫn còn cao. Việc làm cỏ, bón phân cũng được quan tâm thực hiện ở 100% số vườn điều tra. Số hộ bón phân có kết hợp giữa phân hữu cơ và vô cơ chiếm 86,4%. Số hộ chỉ bón phân vô cơ chiếm 8,4%, còn hộ chỉ bón phân hữu cơ mà chỉ bón có 1 lần trong năm chiếm 5,2%. Số lần bón phân của các hộ được điều tra từ 1- 6 lần/năm. Số lần bón phân thích hợp là khoảng 4 lần: sau thu hoạch, sau ra hoa, nuôi trái khi trái lớn bằng trái chanh và trước thu hoạch khoảng 40 ngày. Số hộ bón phân từ 4 lần/năm trở lên chỉ chiếm 19,1%. Nông dân bón phân 3 lần trong năm chiếm 31%. Số hộ bón phân cho bưởi 2 lần/năm là 45%. Và phần lớn số hộ nông dân bón phân theo tập quán, không cân đối NPK, không đúng giai đoạn sinh trưởng, bón phân chuồng chưa hoai, ít chú ý bón vôi.

Đối với cây bưởi, ngoài việc dùng để ăn, còn có ý nghĩa thờ cúng trong dịp lễ tết. Bưởi vậy, bưởi được xử lý cho thu hoạch trái vào dịp tết nguyên đán. Vì vậy một số hộ trồng bưởi đã sử dụng một số biện pháp xử lý ra hoa như phun MPK, F 94, tưới bỏ lá ở một số cành để kích thích ra hoa, tháo nước, kết hợp với chăm sóc tốt (phân bón, nước tưới...). Số hộ có xử lý ra hoa chiếm 22%.

Sâu hại chính trên cây bưởi ở vùng Tân Triều phổ biến là sâu vẽ bùa, loài sâu này xuất hiện ở 87% số vườn được điều tra, và được nông dân đánh giá là loại sâu hại quan trọng, phá hoại trên những cành tược non, xuất hiện quanh năm, mức độ gây hại > 50%. Nhện đỏ cũng được công nhận loại sâu quan trọng, xuất hiện ở 79% số vườn điều tra, ở những vườn đang trong thời kỳ kiến thiết cơ bản là bị nhện đỏ tấn công nhiều nhất, chúng gây hại chủ yếu trên lá, làm lá quăn queo, khô và chết.

Nhện đỏ phá hại nặng vào mùa khô nắng, mức độ gây hại là > 50%. Ngoài ra sâu đục thân, đục cành cũng xuất hiện, chiếm 11% số vườn điều tra, mức độ gây hại khoảng 30%. Số vườn có ruồi đục quả chiếm 6%, mức độ gây hại khoảng 12% (Bảng 2).

Bệnh hại nghiêm trọng nhất là bệnh loét, xì mủ. Số vườn có bệnh này chiếm 44%, bệnh nặng vào mùa mưa và ở những vùng đất thấp, mức độ gây hại khoảng 40%. Số vườn bị bệnh nấm hồng chiếm 16%, mức độ gây hại trung bình. Bệnh vàng lá xuất hiện ở 12% số vườn điều tra, số vườn bị bệnh ghẻ trái chiếm 5%. Cả hai bệnh này xuất hiện ở mức khoảng 10%.

Để phòng chống sâu bệnh hại bưởi, nông dân sử dụng phần lớn là thuốc hóa học, số hộ sử dụng thuốc hóa học chiếm 91% và sử dụng nhiều loại thuốc khác nhau. Trong những hộ này, có khoảng 38% số hộ có kết hợp dùng thuốc hóa học và phòng trừ sinh học như nuôi kiến vàng, dùng dầu khoáng và dùng nước tưới xịt lên lá để là ẩm vườn và hạn chế nhện đỏ tấn công lá bưởi. Đối với bệnh loét, gây hại cũng khá nghiêm trọng, nhưng đến nay việc phòng trừ vẫn chưa hiệu quả, chưa có thuốc đặc trị, nên phải phun ngừa. Phần lớn người nông dân chỉ phun thuốc phòng trừ khi có biểu hiện của sâu bệnh hại (chiếm 66% số hộ điều tra). Số hộ dân phun thuốc định kỳ chiếm 24,1%. Đối với cây

Bảng 1. Một số đặc điểm canh tác bưởi (vùng Tân Triều, Vĩnh Cửu, Đồng Nai, 2007)

STT	Chỉ tiêu ghi nhận	Tỷ lệ (%)
1	Diện tích trồng bưởi/hộ	
	- Dưới 1.000 m ²	15,3
	- 1.001 m ² - 2.000 m ²	22,5
	- 2.001 m ² - 3.000 m ²	18,4
	- 3.001 m ² - 4.000 m ²	6,7
	- 4.001 m ² - 5.000 m ²	12,4
	- Trên 5.000 m ²	24,7
2	Tuổi cây đang được canh tác:	
	- 1 - 2 năm	11,1
	- 3 - 5 năm	15,3
	- Trên 5 năm	73,6
3	Khoảng cách trồng	
	- 3,5 m x 3,5 m	0,9
	- 4 m x 4 m	14,8
	- 4,5 m x 4,5 m	0,9
	- 4 m x 5 m	6,5
	- 5 m x 5 m	48,2
	- 5,5 m ² x 5,5 m	0,9
	- 5 m x 6 m	10,2
	- 6 m x 6 m	16,7
	- 7 m x 7 m	0,9
4	Cắt tỉa tạo tán	69
	- Theo kinh nghiệm	32
5	Xử lý ra hoa	22
6	Sử dụng loại phân bón	
	- Phân hữu cơ (phân chuồng, phân vi sinh)	91,6
	- Phân vô cơ (NPK, DAP, phân lân)	94,8
	- Vôi(quét gốc và bón)	7,1
	- Kết hợp bón phân hữu cơ và phân vô cơ	86,4
	- Chỉ bón phân hữu cơ (1lần/năm)	5,2
	- Chỉ bón phân vô cơ	8,4
7	Số lần bón phân trong năm	
	- 1 lần	5,2
	- 2 lần	45,7
	- 3 lần	30,5
	- Trên 4 lần	18,6
	- Không bón	0

bưởi do bị nhiều loài sâu bệnh tấn công, mỗi loại sâu bệnh có quy luật phát sinh phát triển khá phức tạp nên khi sử dụng thuốc BVTV, có nhiều hộ nông dân vừa phải phun thuốc định kỳ, phun khi chưa có sâu bệnh xuất hiện (phun ngừa trước), phun khi cây mới ra lộc non. Chính vì vậy mà số lần phun thuốc và lượng thuốc sử dụng cho cây bưởi là rất lớn và chưa hợp lý làm ảnh hưởng đến môi trường, thiên địch, và làm tăng chi phí đầu tư (Bảng 3).

Năng suất của cây bưởi tại vùng Tân Triều Vĩnh Cửu Đồng Nai phần lớn lệ thuộc vào kỹ thuật canh

tác và quản lý dịch hại. Cùng một giống, cùng một giai đoạn cho trái nhưng có vườn chỉ cho vài chục trái/cây, có vườn lại cho vài trăm trái/cây, có trường hợp 400 trái/cây. Giá bán tùy mùa từ 5.000 đ cho đến 30.000 đ. ở vườn 8 - 10 năm tuổi (chiếm 40% số vườn điều tra) đã cho trái ổn định, trong độ tuổi này số vườn có dưới 50 trái/cây chiếm 18,4%, những vườn này bị sâu bệnh nhiều làm ảnh hưởng đến khả năng cho trái của cây. Số vườn cho trái từ 101 - 150 trái/cây chiếm 31,6% (Bảng 4).

Bảng 2. Thành phần sâu bệnh hại chính trên cây bưởi (vùng Tân Triều, Vĩnh Cửu, Đồng Nai, 2007)

Stt	Thành phần loài	Tỷ lệ vườn xuất hiện (%)	Mức độ gây hại
Sâu			
1	Sâu vẽ bùa (<i>Phyllocnistis citrella</i>)	87	++++
2	Sâu đục thân (<i>Chelidonium argentatum</i>), đục cành (<i>Nadezhdiella cantori</i>)	11	++
3	Nhện đỏ (<i>Panonychus citri</i>)	79	++++
4	Rệp sáp (<i>Planococcus citri</i>)	5	+
5	Sâu đục trái (<i>Prays citri</i> .)	6	++
Bệnh			
1	Vàng lá (greening)	12	+
2	Loét, xì mủ (<i>Phytophthora spp.</i>)	44	+++
3	Ghẻ trái (<i>Elsinoe fawcettii.</i>)	5	+

Ghi chú: -: Rất ít, tần suất xuất hiện <5%

+: ít, gây hại không đáng kể, tần suất xuất hiện 5-10%

++: Trung bình, gây hại cục bộ, tần suất xuất hiện 11-35%

+++ : Nhiều, gây hại rõ ràng, tần suất xuất hiện 36-50%

++++: Rất nhiều, đôi khi gây hại nặng, tần suất xuất hiện >50%

Bảng 3. Tình hình sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trên bưởi (vùng Tân Triều, Vĩnh Cửu, Đồng Nai, 2007)

STT	Chỉ tiêu ghi nhận	Tỷ lệ hộ sử dụng (%)
1	Thuốc trừ sâu thường sử dụng	
	- Confidor	40,5
	- Kenthane	39,2
	- Selecron	19,0
	- Polytin	13,9
	- Supracid	8,9
2	Thuốc trừ bệnh	
	- Alliet	29,1
	- Thuốc gốc đồng	19
	- Ridomil	8,9
3	Số lần phun thuốc	
	- Phun thuốc định kỳ	24,1
	- Phun thuốc theo sự xuất hiện của sâu	66
	- Không phun thuốc	9,9

66% số hộ dùng thuốc khi thấy bệnh xuất hiện, số hộ còn phun thuốc định kỳ chiếm 24,1%.

Để giữ vững và phát triển thương hiệu bưởi Tân Triều, cũng như phấn đấu đạt chỉ tiêu 1.000 ha bưởi vào năm 2010:

- Cần tăng cường các buổi tập huấn, hội thảo về kỹ thuật canh tác bưởi, giúp nông dân có đủ kỹ thuật để cải tạo vườn cũ cũng như trồng mới đạt hiệu quả cao nhất.
- Cần phải sử dụng biện pháp tổng hợp để quản lý dịch hại.
- Quy hoạch phát triển vùng bưởi chuyên canh kết hợp với du lịch sinh thái và chế biến các sản phẩm từ bưởi.

Hiệu quả kinh tế trung bình một năm có thể đạt được 100.000.000 đ/100 cây (diện tích 3.000 m²) khá cao so với một số loại cây trồng khác.

KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

Qua điều tra hiện trạng canh tác bưởi ở vùng Tân Triều, Vĩnh Cửu, Đồng Nai cho thấy:

Cây bưởi được trồng với mật độ 5m x 5m chiếm đa số (48,2% số hộ dân); có 91,6% số hộ nông dân sử dụng phân hữu cơ; số hộ nông dân bón phân 2 lần trong năm (chiếm 45,7% số hộ điều tra). Năng suất trung bình của cây bưởi 10 năm tuổi khoảng 100 trái/cây.

Cây bưởi có thời gian phát triển dài, có nhiều sâu bệnh tấn công vào mọi thời điểm trong năm. Có 5 loại sâu hại, 3 loại bệnh hại được nông dân đề cập nhiều nhất. Trong đó gây hại nhiều nhất là sâu vẽ bùa (87% số vườn điều tra), nhện đỏ (79% số vườn điều tra), bệnh loét xì mù (40% số vườn điều tra), mức độ gây hại của các loài sâu bệnh này > 40%.

Biện pháp phòng trừ chủ yếu là dùng thuốc hóa học (91% số hộ điều tra), trong đó có 38% số hộ có kết hợp thêm biện pháp phòng trừ sinh học và có

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Phạm Văn Biên, Bùi Cách Tuyến, Nguyễn Mạnh Chinh, 2000. *Cẩm nang Thuốc Bảo vệ Thực vật*. NXB Nông nghiệp, trang 1-178.

Nguyễn Thị Thu Cúc, Phạm Hoàng Oanh, 2002. *Dịch hại cam, quýt, chanh, bưởi (Rutaceae)*. NXB Nông nghiệp Tp. Hồ Chí Minh.

Nguyễn Văn Kế, 2001. *Cây Ăn quả Nhiệt đới*. NXB Nông nghiệp Tp. Hồ Chí Minh.

Nguyễn Văn Huỳnh, Võ Thanh Hoàng, 1997. *Sâu bệnh hại cây ăn trái*. NXB Nông nghiệp.

Vũ Thị Nga, 2006. *Nghiên cứu sâu hại và thiên địch của chúng trên cây măng cầu xiêm tại Bình Chánh Tp.HCM*.